

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021**
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	Ngân sách cấp Thành phố				
I	Nguồn thu ngân sách thành phố	82.048.679	155.537.675	73.135.218	47,02%
	<i>Nguồn thu ngân sách (nếu không tính thu chuyển nguồn và kết dư)</i>	<i>76.135.852</i>	<i>68.445.623</i>	<i>66.129.681</i>	<i>96,62%</i>
1	Thu ngân sách cấp Thành phố hưởng theo phân cấp	67.442.707	59.752.478	61.848.006	103,51%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	8.693.145	4.281.675	49,25%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>				
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>8.693.145</i>	<i>8.693.145</i>	<i>4.281.675</i>	<i>49,25%</i>
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5.912.827	23.948.427	7.005.537	29,25%
	<i>Trong đó: Thu Nguồn CCTL đưa vào cân đối chi TX</i>	<i>5.912.827</i>	<i>5.912.827</i>	<i>7.005.537</i>	<i>118,48%</i>
5	Thu kết dư năm 2019 chuyển sang		63.143.625		
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	92.535.879	83.102.045	88.008.318	95,11%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03 (1)</i>	<i>91.173.019</i>	<i>82.011.176</i>	<i>85.680.767</i>	<i>93,98%</i>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Thành phố	73.695.808	61.645.457	69.673.130	94,54%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	18.840.071	21.456.588	18.335.188	97,32%
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>100,00%</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu cân đối tăng thêm</i>	<i>6.972.037</i>	<i>4.709.612</i>	<i>6.463.045</i>	<i>92,70%</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	<i>31.191</i>	<i>4.910.133</i>	<i>35.300</i>	<i>113,17%</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	Bội chi ngân sách địa phương	10.487.200		14.873.100	141,82%
B	Ngân sách Huyện				
I	Nguồn thu ngân sách	28.352.251	42.794.139	27.329.034	63,86%
	<i>Nguồn thu ngân sách (nếu không tính thu chuyển nguồn và kết dư)</i>	<i>26.885.324</i>	<i>29.286.747</i>	<i>25.579.522</i>	<i>87,34%</i>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	8.045.253	7.830.159	7.244.334	92,52%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.840.071	21.456.588	18.335.188	85,45%
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>11.836.843</i>	<i>100,00%</i>
-	<i>Thu bổ sung cân đối tăng thêm</i>	<i>6.972.037</i>	<i>4.709.612</i>	<i>6.463.045</i>	<i>137,23%</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>31.191</i>	<i>4.910.133</i>	<i>35.300</i>	<i>0,72%</i>
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.466.927	3.509.995	1.749.512	49,84%
	<i>Trong đó: Nguồn CCTL của NSQH đưa vào cân đối chi thường xuyên</i>	<i>1.466.927</i>	<i>1.466.927</i>	<i>1.749.512</i>	<i>119,26%</i>
4	Thu kết dư năm 2019 chuyển sang		9.997.397		
II	Chi ngân sách	28.352.251	30.067.350	27.329.034	96,39%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	24.752.984	26.468.083	24.136.229	97,51%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.599.267	3.599.267	3.192.805	88,71%
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>2.570.300</i>	<i>2.570.300</i>	<i>2.570.300</i>	<i>100,00%</i>
-	<i>Chi bổ sung cân đối tăng thêm</i>	<i>1.028.967</i>	<i>1.028.967</i>	<i>622.505</i>	<i>60,50%</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú: (*) Đối với chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm 2021 với ước thực hiện năm 2020; Đối với chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm 2021 với dự toán năm 2020